

Số: 13/TB-HXTD

Chư Sê, ngày 08 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả điểm thi công chức cấp xã năm 2021 (vòng 2)

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai; Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 5/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định chi tiết một số điều, khoản, điểm và biện pháp thi hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê về việc tuyển công chức cấp xã năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê về việc thành lập Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã năm 2021;

Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã năm 2021 huyện Chư Sê thông báo kết quả điểm thi công chức cấp xã năm 2021 huyện Chư Sê như sau: (có danh sách kết quả điểm thi kèm theo).

Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã năm 2021 của huyện Chư Sê thông báo để người dự thi biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Thành viên Hội đồng xét tuyển;
- Ban Giám sát;
- Phòng Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, HĐXT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Rmah H'Bé Nét**

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: 13/TB-HDXT ngày 08/4/2022 của Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã năm 2021 huyện Chư Sê)

Stt	Số Báo Danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ Chuyên môn	Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm tương đương	Điểm thi tuyển				Ghi chú
				Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác						Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm ưu tiên	Tổng số	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	15	18	19	21	22	23		23
A		VĂN HÓA - XÃ HỘI																	
1	I	Văn hóa - Xã hội phụ trách lĩnh vực xã hội																	
2	001	Lưu Thị Linh	Chi		17/3/1994	Kinh	An Đức, Ninh Giang, Hải Dương	x		12/12	Cử nhân Công tác xã hội	Chính quy	Khá		75,0	75,0	0	75,0	
3	002	Rah Lan	Hiếu		15/4/1994	Jrai	Ia Blang, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Công tác xã hội	Chính quy	Khá	DTTS			5		Vắng
4	003		HNhak		1987	BaNa	Kon Thup, Mang Yang, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	DTTS	8,0	8,0	5	13,0	
5	004	Đoàn Thị	Hương		03/8/1991	Kinh	Quảng Vinh, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế		x	12/12	Thạc sĩ Quản lý công	Chính quy không tập trung			69,0	68,0	0	68,5	
6	005	Rơ Mah	Lên		18/01/2000	Jrai	Ia Ko, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cao đẳng Công tác xã hội	Chính quy	Khá	DTTS			5		Vắng
7	006	Trần Thị Diễm	My		13/8/1989	Kinh	Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	x		12/12	Cử nhân Công tác xã hội	Chính quy	Khá						Vắng
8	007	Nguyễn Thị Kim	Phượng		06/8/1995	Kinh	Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	x		12/12	Kỹ sư Bảo hộ Lao động	Chính quy	Khá		22,0	22,0	0	22,0	
9	008	Phạm Phước	Quy	05/01/1997		Kinh	Phú Thanh, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Cử nhân Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		29,0	29,0	0	29,0	
10	009	Siu	Te		11/10/1999	Jrai	Ia Ko, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá	DTTS	67,0	69,0	5	73,0	
11	010	Đinh	Tinh	05/5/1997		Ba Na	Ayun, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính quy	Khá	DTTS	70,0	66,0	5	73,0	
12	011	Nguyễn Thị	Thu		28/8/1993	Kinh	Hoàng Phượng, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Công tác xã hội	Chính quy	Khá		63,0	64,0	0	63,5	
13	012	Đỗ Thị Thu	Trang		15/4/1988	Kinh	Tam Hòa, Núi Thành, Quảng Nam	x		12/12	Cử nhân Công tác xã hội	Chính quy liên thông	Khá		54,0	52,0	0	53,0	

Stt	Số Báo Danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ Chuyên môn	Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm tương đương	Điểm thi tuyển				Ghi chú
				Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác						Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm ưu tiên	Tổng số	
	II	Văn hóa - Xã hội phụ trách lĩnh vực Văn hóa																	
14	013	Đình Thái	Dương	10/10/1992		Kinh	Gia Phú, Gia Viễn, Ninh Bình	x		12/12	Cử nhân Luật Kinh tế	Chính quy	TBK		63,0	62,0	0	62,5	
15	014	Đồng Viết	Hưng	14/7/1989		Kinh	Nguyễn Giáp, Tứ Kỳ, Hải Dương	x		12/12	Đại học Quản lý Văn hóa	Chính quy	Khá		53,0	54,0	0	53,5	
16	015	Ngô Thị	Luyến		27/10/1997	Kinh	Trường Xuân, Thọ Xuân, Thanh Hóa	x		12/12	Quản lý văn hóa	Chính quy	Khá				0		Vắng
17	016	Nguyễn Thị	Phượng		02/02/1995	Kinh	Tân Thọ, Nông Cống, Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Văn hóa học	Chính quy	Khá		18,0	19,0	0	18,5	
18	017	Bùi Thị	Tú		22/5/1999	Kinh	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá	Con Thương binh			5		Vắng
19	018	Dương Thị Thùy	Vy		26/10/1996	Kinh	Nhơn Thành , TX An Nhơn, Bình Định	x		12/12	Cử nhân Luật kinh tế	Chính quy	Khá		54,0	55,0	0	54,5	
B		ĐỊA CHÍNH -NN-XD&MT																	
I		Địa chính -NN-XD&MT phụ trách lĩnh vực địa chính, xây dựng																	
1	019	Nguyễn Nhật	Anh	03/6/1995		Kinh	Điện Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	x		12/12	Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình		0	0	0	0,0	
2	020	Vũ Minh	Chiến	28/12/1989		Kinh	Hưng Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	x		12/12	Kỹ sư Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		93,0	91,0	0	92,0	
3	021	Lê Xuân	Diện	20/10/1994		Kinh	Tây Hồ, Thọ Xuân, Thanh Hóa	x		12/12	Kỹ sư Quản lý đất đai	Vừa học vừa làm	Trung bình khá		5,0	9,0	0	7,0	
4	022	Khiếu Vũ Anh	Dũng	09/7/1994		Kinh	Hà Vinh, Hà Trung, Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		25,0	25,0	0	25,0	
5	023	Trịnh Xuân	Hải	23/10/1993		Kinh	Quỳnh Lưu, Quỳnh Bá, Nghệ An	x		12/12	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	Chính quy	Trung bình		91,0	91,0	0	91,0	
6	024	Rcom-	H'Miễn		29/11/1996	Jrai	Thị trấn Phú Thiện, Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Kỹ sư Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS			5		Vắng
7	025	Mai Thị	Huyền		07/6/1996	Kinh	Vinh Hà, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Kỹ sư Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		35,0	35,0	0	35,0	
8	026	Nguyễn Hoàng	Kiên	10/01/1989		Kinh	Tân Hương, Ninh Giang, Hải Dương	x		12/12	Cử nhân Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		72,0	70,0	0	71,0	

Stt	Số Báo Danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ Chuyên môn	Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm ưu tiên	Điểm thi tuyển				Ghi chú
			Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác						Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm ưu tiên	Tổng số	
9	027	Từ Thế Lộc	20/10/1991		Kinh	Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định	x		12/12	Kỹ sư Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình khá		30,0	30,0	0	30,0	
10	028	Lê Ngọc Sĩ	28/4/1991		Kinh	Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định	x		12/12	Kỹ sư Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình khá	Con Thương binh			5		Vắng
11	029	Siu Ú	18/8/1991		Jrai	Ia Hiao, Ayun Pa, Gia Lai	x		12/12	Kỹ sư Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	46,0	46,0	5	51,0	
II		Địa chính -NN-XD&MT phụ trách lĩnh vực nông nghiệp																
12	030	Trần Thị Chung		15/01/1993	Kinh	Nhơn An, An Nhơn, Bình Định	x		12/12	Kỹ sư Nông học	Chính Quy	Khá		15,0	15,0	0	15,0	
13	031	Rah Lan Gia Kơ	02/02/1993		Jrai	Thị trấn Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Kỹ sư Quản lý Tài nguyên & Môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	30,0	30,0	5	35,0	
14	032	Đoàn Thị Hồng Hà		20/02/1993	Jrai	Chư Pong, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Kinh tế Nông nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	86,0	88,0	5	92,0	
15	033	Nguyễn Thị Hiệu		10/02/1998	Kinh	Vinh Hà, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Kỹ sư Bảo vệ Thực vật	Chính quy	Khá				0		Vắng
16	034	Hoàng Thị Hương		25/9/1992	Kinh	Thọ Xuân, Thanh Hóa	x		12/12	Kỹ sư Khoa học cây trồng	Chính quy	Khá		76,0	78,0	0	77,0	
17	035	Nguyễn Thị Nga		16/9/1996	Kinh	Hàm Tử, Khoái Châu, Hưng Yên	x		12/12	Kỹ sư Bảo vệ Thực vật	Chính quy	Khá				0		Vắng
18	036	Nguyễn Minh Tuấn	04/4/1994		Kinh	Hải Quy, Hải Lăng, Quảng Trị	x		12/12	Cử nhân Kinh tế nông nghiệp	Chính quy	Trung bình	Cán bộ không chuyên trách	87,0	88,0	2,5	90,0	
19	037	Nguyễn Viết Thông	05/5/1986		Kinh	Phú Gia, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Kỹ sư Chăn nuôi thú y	Chính quy	Trung bình khá		81,0	81,0	0	81,0	
20	038	Nay ViLa		28/10/1997	Jrai	Ia Piar, Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Kỹ sư Phát triển nông thôn	Chính quy	Khá	DTTS	74,0	72,0	5	78,0	
C		TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN																
1	039	Nguyễn Xuân Ánh	26/8/1993		Kinh	Điện Nam, Điện Bàn, Quảng Nam	x		12/12	Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng	Chính quy không tập trung					0		Vắng
2	040	Đồng Thị Thanh Hà		30/5/1991	Kinh	Tân Phong, Ninh Giang, Hải Dương	x		12/12	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Chính quy	Trung bình khá	Con Bệnh binh	58,0	57,0	5	62,5	
3	041	Nguyễn Thị Hồng Hoa		28/6/1999	Kinh	Kiến Quốc, Ninh Giang, Hải Dương	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Chính quy	Khá		33,0	29,0	0	31,0	

Stt	Số Báo Danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ Chuyên môn	Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm tương đương	Điểm thi tuyển				Ghi chú
				Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác						Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm ưu tiên	Tổng số	
4	042	Phạm Thị	Hòa		27/3/1989	Kinh	Minh Tân, Vụ Bản, Nam Định	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình khá		13,5	12,0	0	12,8	
5	043	Lê Thị	Lan		15/5/1983	Kinh	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Từ xã	Trung bình khá	Con Thương binh	26,0	29,0	5	32,5	
6	044	Siu	LiNa		20/8/1994	Jrai	Thị trấn Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Trung cấp Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	26,0	27,0	5	31,5	
7	045	Mai Thị Bình	Minh		09/4/1992	Kinh	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Chính quy	Khá		54,0	56,0	0	55,0	
8	046	Nguyễn Thị Hạnh	Quyên		09/02/1992	Kinh	Gia Tường, Nho Quan, Ninh Bình	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Chính quy	Khá				0		Vắng
9	047	Lê Giang	Son		07/6/1987	Kinh	Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Chính quy	Trung bình khá		54,0	56,0	0	55,0	
10	048	Mã Thị Thu	Thắm		26/01/1987	Kinh	Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Chính quy	Khá		68,0	68,0	0	68,0	
11	049	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		28/02/1998	Kinh	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	x		12/12	Cử nhân Kiểm toán	Chính quy	Giỏi				0		Vắng
12	050	Nguyễn Thị	Trang		10/3/1992	Kinh	Quế Long, Quế Sơn, Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Chính quy	Giỏi				0		Vắng
13	051	Lê Thị Lan	Trâm		12/10/1995	Kinh	Mỹ Tài, Phù Mỹ, Bình Định	x		12/12	Cử nhân Kế toán	Chính quy	Khá		37,0	37,0	0	37,0	
14	052	Phạm Thị	Yến		09/01/1983	Kinh	Nguyễn Giáp, Tứ Kỳ, Hải Dương	x		12/12	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Vừa làm vừa học	Trung bình khá				0	0,0	Vắng
D		VĂN PHÒNG - THỐNG KÊ																	
1	053	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		20/5/1997	Kinh	Vĩnh Hòa, Ninh Giang, Hải Dương	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá		16,5	17,5	0	17,0	
2	054	Lê Văn	Cư	08/3/1981		Kinh	Mỹ Tài, Phù Mỹ, Bình Định	x		12/12	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Tại chức	Trung bình		0	4,0	0	2,0	
3	055	Đỗ Nguyễn Tiến	Dũng	13/7/1998		Kinh	Thị Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính Quy	Trung bình khá				0		Vắng
4	056		H' Mốt		20/9/1997	Jrai	Bar Măih, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính quy	Khá	DTTS	70,0	73,0	5	76,5	
5	057	Rah Lan	H' Trang		25/3/1990	Jrai	Thị trấn Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cao đẳng Quản trị văn phòng	Chính quy	Khá	DTTS	0	0	5	5,0	

Stt	Số Báo Danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ Chuyên môn	Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm tương đương	Điểm thi tuyển				Ghi chú
			Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác						Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm ưu tiên	Tổng số	
6	058	Ngô Thị Thanh Hiền		08/7/1995	Kinh	Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định	x		12/12	Cử nhân Văn học	Chính quy	Khá		33,0	30,0	0	31,5	
7	059	Rah Lan H'Nhuyt		03/8/1997	Jrai	Thị trấn Phú Thiện, Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	Chính quy	Khá	DTTS	6,0	9,0	5	12,5	
8	060	Võ Văn Hùng	11/3/1999		Kinh	Điện Thắng Nam, Điện Bàn, Quảng Nam	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính quy	Trung bình khá		6,0	5,0	0	5,5	
9	061	Đậu Xuân Hùng	08/12/1998		Kinh	Kỳ Liên, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá		8,0	11,0	0	9,5	
10	062	Rmah Lai	22/01/1997		Jrai	Xã Dun, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	70,0	74,0	5	77,0	
11	063	Nguyễn Thị Liễu		10/4/1993	Kinh	Hoàng Thái, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Chính quy	Khá		31,0	28,0	0	29,5	
12	064	Rah Lan Lok	10/5/1994		Jrai	Ia Blang, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính quy	Giỏi	DTTS	30,0	34,0	5	37,0	
13	065	Rơ Mah Luân	14/3/1993		Jrai	Ia Khy, Chư Prông, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính quy	Khá	DTTS			5		Vắng
14	066	Đinh Thị Luyện		03/10/1994	BaNa	Sơ Paí, Kbang, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Giáo dục Chính trị	Chính quy	Khá	DTTS	39,0	42,0	5	45,5	
15	067	Nguyễn Thị Mai		23/8/1997	Kinh	Khả Phong, Kim Bảng, Hà Nam	x		12/12	Cử nhân Giáo dục Chính trị	Chính quy	Khá				0		Vắng
16	068	Lê Thị Ly Na		08/12/1995	Kinh	Phú Phong, Hương Khê, Hà Tĩnh	x		12/12	Cử nhân Luật kinh tế	Chính quy	Khá		72,5	72,0	0	72,3	
17	069	Dương Đình Nghệ	08/08/1986		Kinh	Hưng Hòa, Thành phố Vinh, Nghệ An	x		12/12	Cử nhân Luật	Từ xa	Trung bình khá	HT NVQS	65,5	68,0	2,5	69,3	
18	070	Trương Thị Oanh		05/9/1986	Kinh	Nguyễn Giáp, Tứ Kỳ, Hải Dương	x		12/12	Quản trị Văn phòng	Vừa làm vừa học	Khá		7,0	6,0	0	6,5	
19	071	Trần Thị Bích Phương		25/9/1997	Kinh	Cát Tiến, Phù Cát, Bình Định	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính quy	Khá		75,5	79,0	0	77,3	
20	072	Siu Sứ	17/7/1997		Jrai	Ia Yeng, Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chính quy	Khá	DTTS	6,0	8,0	5	12,0	
21	073	Nguyễn Quang Tuấn	20/8/1990		Kinh	Đô Lương, Đông Hưng, Thái Bình	x		12/12	Cử nhân Giáo dục Chính trị	Chính quy	Khá		73,0	75,0	0	74,0	
22	074	Nguyễn Thị Phương Thanh		16/4/1990	Kinh	Mai Phú, Lộc Hà, Hà Tĩnh	x		12/12	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Chính quy	Khá				0		Vắng

Stt	Số Báo Danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ Chuyên môn	Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm tương đương	Điểm thi tuyển				Ghi chú
				Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác						Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm ưu tiên	Tổng số	
23	075	Nay Đức	Thọ	29/4/1991		Jrai	Ia Rô, Thị xã Ayun Pa, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	67,5	69,5	5	73,5	
24	076	Phan Thị Thùy	Trang		20/3/1993	Kinh	Điền Môn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Cử nhân Quản trị Văn phòng	Chính quy	Khá		9,0	11,0	0	10,0	
25	077	Hồ Thị Hải	Yến		30/3/1993	Kinh	Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu, Nghệ An	x		12/12	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Chính quy	Khá	Con Thương binh			5		Vắng
E		TƯ PHÁP - HỘ TỊCH																	
1	078	Rơ Lan	Dên		19/10/1997	BaNa	Kông Htok, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	40,0	38,0	5	44,0	
2	079	Kpui	Đôi		10/8/1996	Jrai	Thị trấn Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá	DTTS	87,0	87,0	5	92,0	
3	080	Nguyễn Thị Hồng	Gấm		13/4/1999	Kinh	Phú Đa, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Cử nhân Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		75,0	74,0	0	74,5	
4	081	Nguyễn Thị Thu	Hà		24/02/1996	Kinh	Thanh Ngọc, Thanh Chương, Nghệ An	x		12/12	Cử nhân Luật Kinh tế	Chính quy	Trung bình		0	0	0	0,0	
5	082	Nguyễn Thị	Hạnh		15/8/1997	Kinh	Vạn Ninh, Gia Bình, Bắc Ninh	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá		65,0	62,0	0	63,5	
6	083	Nguyễn Thị	Hằng		27/6/1998	Kinh	Hàm Tử, Khoái Châu, Hưng Yên	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá				0		Vắng
7	084	Ksor	H'Duyên		25/12/1999	Jrai	Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá	DTTS	25,0	25,0	5	30,0	
8	085	Rơ Mah	H'Hòa		01/01/1997	Jrai	Chư Pong, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá	DTTS	45,0	45,0	5	50,0	
9	086	Nguyễn Thế	Hiển	08/06/1988		Kinh	Nam Cát, Nam Đàn, Nghệ An	x		12/12	Cử nhân Luật	Từ xa	Trung bình Khá		83,0	83,0	0	83,0	
10	087	Nguyễn Thị Thanh	Hòa		29/11/1996	Kinh	Quang Trung, Tứ Kỳ, Hải Dương	x		12/12	Cử nhân Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		83,0	85,0	0	84,0	
11	088	Ngô Thị Bích	Hường		07/4/1998	Kinh	Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá		46,0	46,0	0	46,0	
12	089	Ksor	H'Won		27/02/1993	Jrai	Thị trấn Phú Thiện, Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	82,0	83,0	5	87,5	
13	090	Siu	Ninh	02/8/1988		Jrai	Ia Ko, Chư Sê, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Luật	Từ xa	Trung bình khá	DTTS			5		Vắng

Stt	Số Báo Danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ Chuyên môn	Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm tương đương	Điểm thi tuyển				Ghi chú
			Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác						Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm ưu tiên	Tổng số	
14	091	Hoàng Kim Ngân		24/02/1997	Kinh	Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Cử nhân Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi		54,0	52,0	0	53,0	
15	092	Nguyễn Đình Nguyên	24/01/1994		Kinh	Hương Đô, Hương Khê, Hà Tĩnh	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá		75,0	77,0	0	76,0	
16	093	Dương Thị Kim Oanh		20/3/1997	Kinh	Quế Minh, Quế Sơn, Quảng Nam	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá		51,0	51,0	0	51,0	
17	094	Hoàng Văn Tá	03/4/1990		Tày	Đàm Thủy, Trùng Khánh, Cao Bằng	x		12/12	Thạc sỹ Luật	Chính quy không tập trung			7,0	9,0	0	8,0	
18	095	Rmah	01/7/1990		Jrai	Thị trấn Phú Thiện, Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Trung cấp Luật	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	16,0	15,0	5	20,5	
19	096	Lê Xuân Thái	06/7/1992		Kinh	Phú Gia, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá				0		Vắng
20	097	Nguyễn Thị Thùy Trang		16/02/1998	Kinh	Đức Yên, Đức Thọ, Hà Tĩnh	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá		50,0	50,0	0	50,0	
21	098	Trần Thị Thảo Trang		13/10/1998	Kinh	Xuân Giang, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	x		12/12	Cử nhân Luật	Chính quy	Khá				0		Vắng
22	099	Đoàn Quang Việt	21/7/1969		Kinh	Tiên Minh, Tiên Lãng, TP Hải phòng	x		12/12	Cử nhân Luật	Từ xa	Trung Bình Khá		50,0	50,0	0	50,0	

Danh sách này có 99 người.

Chư Sê, ngày 08 tháng 4 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Rmah H' Bé Nét